

ĐỀ ÁN

**Củng cố và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa
bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trường phổ thông dân tộc nội trú (sau đây viết tắt là PTDTNT) được Nhà nước thành lập cho học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm mục tiêu tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngày 21/9/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1640/QĐ-TTg phê duyệt Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường PTDTNT giai đoạn 2011 - 2015 (gọi tắt là Đề án số 1640/QĐ-TTg). Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, 11/11 trường PTDTNT được thụ hưởng Đề án số 1640/QĐ-TTg). Đề án số 1640/QĐ-TTg tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1719/QĐ-BGDĐT ngày 23/5/2016.

Sau 10 năm triển khai Đề án số 1640/QĐ-TTg, hệ thống các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã được củng cố, phát triển ở nhiều phương diện; cơ sở vật chất được cải thiện, đội ngũ được đảm bảo đủ; điều kiện ăn ở, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú được nâng lên; chất lượng giáo dục cao hơn mặt bằng chung của tỉnh; các hoạt động giáo dục đức, trí, thể, mỹ được chú trọng nhằm phát triển toàn diện học sinh.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, các trường PTDTNT tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn trước; quản lý, khai thác cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú. Các cấp, các ngành của tỉnh triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; tuyển dụng, bố trí đội ngũ đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục tại các trường PTDTNT.

Tuy nhiên, bước vào giai đoạn phát triển mới, hệ thống các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh đang đối mặt với những thách thức, khó khăn và áp lực lớn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về cơ sở vật chất và quỹ đất giáo dục: Hầu hết các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, khối phòng phục vụ sinh hoạt nội trú (kitchen, nhà ăn, nhà

bếp) và khối phòng học bộ môn, nhà đa năng hiện nay được đầu tư xây dựng từ giai đoạn 2011 - 2015. Sau nhiều năm sử dụng, hạ tầng đã xuống cấp nghiêm trọng. Đặc biệt, việc hoàn thành chuyển đổi quy mô từ trường trung học cơ sở (THCS) thành trường liên cấp THCS-THPT trong giai đoạn 2021 - 2025 đã làm gia tăng nhanh số lượng học sinh sinh hoạt tập trung, dẫn đến tình trạng quá tải tại các khu nội trú, diện tích phòng ở chật hẹp, mật độ bố trí học sinh/phòng quá cao. Trong khi đó, quỹ đất khuôn viên của nhiều trường rất hẹp, dưới quy chuẩn hiện hành (như Đình Lập chỉ có 0,49 ha, Văn Quan, Cao Lộc, Chi Lăng, Văn Lãng đều dưới 1 ha), không có dư địa để mở rộng, xây dựng bổ sung khối phòng chức năng chuyên biệt phục vụ dạy thực hành, thí nghiệm.

Thứ hai, về đội ngũ nhà giáo, nhân viên phục vụ: Trước yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hệ thống các trường PTDTNT toàn tỉnh đang rơi vào tình trạng thiếu hụt biên chế cục bộ ở các bộ môn đặc thù (Tin học, Ngoại ngữ, Nghệ thuật, Giáo dục quốc phòng an ninh, Công nghệ). Biên chế chức danh nhân viên giáo vụ, tư vấn tâm lý học đường, quản lý nội trú chưa được định biên đồng bộ, chủ yếu phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm ngoài giờ lên lớp gây áp lực lớn cho công tác quản lý nội trú 24/24 giờ. Đội ngũ nhân viên hợp đồng cấp dưỡng (nấu ăn) tại các trường PTDTNT chưa đáp ứng đủ quy mô nuôi dưỡng tập trung, trong khi việc cân đối kinh phí chi trả cho lao động hợp đồng (theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) gặp nhiều vướng mắc do nguồn chi thường xuyên hạn hẹp và chưa có cơ chế tài chính đặc thù.

Thứ ba, về công tác chuyển đổi: Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống máy tính và trang thiết bị tại các phòng học bộ môn, thực hành thí nghiệm ở nhiều đơn vị đã xuống cấp, lạc hậu, cơ bản chưa được đầu tư đồng bộ để đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số toàn diện và triển khai các mô hình giáo dục hiện đại (STEM, Robotics, AI). Việc tiếp cận và năng lực chuyển đổi số của đội ngũ giáo viên còn hạn chế khi triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thứ tư, về cơ chế chính sách: Do biến động trượt giá của thị trường, định mức học bổng chính sách hiện hành cho học sinh nội trú chưa bảo đảm nâng cao chất lượng dinh dưỡng toàn diện cho học sinh đang độ tuổi phát triển. Trong khi đó, giai đoạn 2021 - 2025 Trung ương không ban hành Đề án riêng biệt tiếp nối để đầu tư cho trường nội trú; nguồn ngân sách tỉnh còn khó khăn và tỉnh chưa ban hành được cơ chế đặc thù riêng để hỗ trợ thêm kinh phí bữa ăn cho học sinh dân tộc nội trú.

Trước bối cảnh toàn ngành Giáo dục tập trung triển khai thực hiện đột phá chiến lược theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và yêu cầu chuẩn hóa trường học theo các quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án củng cố và phát triển hệ thống các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 là một yêu cầu khách quan, có tính cấp bách và ý nghĩa chiến lược sâu sắc nhằm quy hoạch lại nguồn lực đầu tư công, giải quyết dứt điểm các điểm nghẽn về hạ tầng, đất đai, đội ngũ, công tác chuyển đổi số... tạo đòn bẩy phát triển giáo dục dân tộc bền vững trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025-2030 số 01-NQ/ĐH ngày 26/9/2025;

Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 11/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Kế hoạch số 23-KH/ĐU ngày 05/02/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc triển khai Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 11/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 08/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 11/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Phần II

THỰC TRẠNG CÁC TRƯỜNG PTDTNT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. THỰC TRẠNG CÁC TRƯỜNG PTDTNT

1. Quy mô các trường PTDTNT

Các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được thành lập cho học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm mục tiêu tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh. Toàn tỉnh có 11 trường PTDTNT (01 trường THPT DTNT tỉnh, 10 trường PTDTNT THCS và THPT). Trong giai đoạn 2021 - 2025, có 10/10 trường PTDTNT THCS được chuyển thành 10 trường PTDTNT THCS và THPT. Duy trì 141 lớp, 4.233 học sinh (65 lớp, 2.203 học sinh cấp THCS; 76 lớp, 2.030 học sinh cấp THPT).

Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác tuyển sinh các trường PTDTNT được thực hiện hiệu quả; quy mô lớp học, sỹ số học sinh tăng. Năm học 2021 - 2022, có 114 lớp, với 3451 học sinh học tại các trường PTDTNT, đạt tỷ lệ 5,8% tổng số học sinh dân tộc thiểu số cùng cấp học toàn tỉnh. Năm học 2025 - 2026, có 141 lớp (tăng 27 lớp với với đầu giai đoạn), với 4233 học sinh học tại các trường PTDTNT, chiếm 6,3% số học sinh dân tộc thiểu số cùng cấp học toàn tỉnh (đạt hiệu quả 123,3% so với đầu giai đoạn).

Nằm trong hệ thống các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, các trường PTDTNT đóng góp vai trò hết sức quan trọng đối với công tác phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Sự điều tiết cơ cấu học sinh từ khi chuyển đổi các trường PTDTNT THCS thành trường liên cấp PTDTNT THCS&THPT (tăng tỷ lệ học sinh nội trú cấp THPT, giảm tỷ lệ học sinh nội trú cấp THCS) nhằm tăng cơ hội tiếp cận giáo dục sau THPT cho học sinh, đồng thời đảm bảo tính hài hòa, hiệu quả, tối ưu hóa giữa loại hình trường PTDTNT với các loại hình trường khác trong hệ thống các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh, phù hợp với văn hóa, đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của các trường PTDTNT

Hệ thống các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh cơ bản được đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2013 - 2015 và tiếp tục được cải tạo, sửa chữa, đầu tư bổ sung hạng mục trong các năm tiếp theo. Đến nay, 100% cơ sở giáo dục (11/11 trường) đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Tổng diện tích đất của 11 trường hiện có khoảng 13,63 ha, trong đó Trường PTDTNT THCS&THPT Lộc Bình có quy mô diện tích lớn nhất (2,59 ha); 02 đơn vị có diện tích hạn chế nhất là Trường PTDTNT THCS&THPT Đình Lập (0,49 ha) và Trường PTDTNT THCS&THPT Văn Lãng (0,53 ha). Tuy nhiên, qua rà soát, đối chiếu với các quy chuẩn, tiêu chí công nhận trường đạt chuẩn quốc gia hiện hành, khi thực hiện đánh giá để công nhận lại trong giai đoạn tới, dự báo sẽ có một số trường gặp khó khăn và nguy cơ không đáp ứng đủ tiêu chuẩn để

giữ vững chuẩn quốc gia, đặc biệt là các vướng mắc về chỉ tiêu diện tích đất/học sinh, quy mô các phòng học bộ môn, nhà công vụ và hệ thống công trình phụ trợ sinh hoạt nội trú.

Về cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ dạy học, sinh hoạt: Toàn hệ thống hiện có 140 phòng học văn hóa, 53 phòng học bộ môn; 11/11 trường đều được trang bị đồng bộ hệ thống nhà bếp, kho bếp và nhà ăn tập thể; 440 phòng ở nội trú cùng các công trình phụ trợ, phòng làm việc khối hành chính quản trị. Qua rà soát, đối chiếu với quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học (Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo), diện tích phòng học văn hóa tại một số trường được xây dựng từ các giai đoạn trước hiện vẫn chưa đạt chuẩn quy định (chỉ đạt bình quân từ 42m² đến 48 m²/phòng, trong khi quy chuẩn hiện hành đòi hỏi tối thiểu 1,5 m²/học sinh và diện tích phòng học lý thuyết đạt từ 48 - 52 m²), gây hạn chế nhất định trong việc bố trí không gian học tập linh hoạt và tổ chức các hoạt động dạy học nhóm theo Chương trình GDPT 2018. Về định mức quy mô học sinh trên phòng: Bình quân số đạt từ 30 - 35 học sinh/phòng học văn hóa (đảm bảo đúng quy chế trường PTDTNT); tại khu nội trú, định mức đạt bình quân từ 8 - 12 học sinh/phòng ở, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý và sinh hoạt tập trung. Hằng năm, các trường PTDTNT luôn được ngân sách ưu tiên bố trí kinh phí cải tạo, sửa chữa các hạng mục, đầu tư bổ sung các công trình còn thiếu. Hệ thống thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục, chăm sóc nội trú được mua sắm, thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng; sách giáo khoa, tài liệu tham khảo được trang bị đầy đủ. Đồng thời, các trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số từng bước được đầu tư, hiện đại hóa, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong toàn hệ thống.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tính đến năm học 2025- 2026, hệ thống trường PTDTNT có tổng số 522 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trong đó có 33 cán bộ quản lý, 312 giáo viên và 190 nhân viên. So với đầu giai đoạn, tăng 108 người (tăng 05 cán bộ quản lý, 57 giáo viên và 49 nhân viên).

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tuyển chọn, bố trí đảm bảo chất lượng, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ. 100% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó có 21,2% đạt trình độ trên chuẩn (riêng đối với trường THPT DTNT Tỉnh, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn chiếm tới 32,7%). Đội ngũ nhà giáo hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn cấp Bộ, cấp Tỉnh về chuyên môn, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, ứng dụng AI và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục đặc thù. 100% các trường duy trì tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn qua các hình thức hội giảng, hội thảo, sinh hoạt cụm và trực tuyến.

100% trường PTDTNT tổ chức các hoạt động về sinh hoạt chuyên môn với đa dạng hình thức (hội giảng các cấp, hội thảo, ngoại khóa, sinh hoạt chuyên môn cụm, sinh hoạt trực tuyến, hội nghị chuyên môn, tham quan học tập kinh nghiệm các trường trong và ngoài tỉnh...). Các phong trào thi đua, khen thưởng (biểu dương và nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, gương “*Người tốt việc tốt*”...) được thúc đẩy mạnh. Đội ngũ các trường PTDTNT được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn cấp bộ, cấp tỉnh về các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ

thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù gắn với trường PT DTNT.

4. Việc thực hiện chương trình giáo dục và chất lượng đào tạo

Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn: Chất lượng giáo dục toàn diện của hệ thống các trường PTDTNT luôn ổn định và giữ vững vị thế cao hơn mặt bằng chung của tỉnh. Tính trung bình hằng năm, ở cấp THCS, học sinh trường PTDTNT có kết quả rèn luyện xếp loại tốt cao hơn mặt bằng chung của tỉnh 7,3%, kết quả học tập xếp loại tốt cao hơn 9,7%; ở cấp THPT, kết quả rèn luyện xếp loại tốt cao hơn 12,1%, kết quả học tập tốt cao hơn 27,7% so với bình quân toàn tỉnh. 100% học sinh cuối cấp (lớp 9 và lớp 12) hằng năm đạt điều kiện công nhận hoàn thành chương trình giáo dục và tốt nghiệp phổ thông. Nhiều trường ghi nhận thành tích cao trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh.

Công tác đổi mới phương pháp giảng dạy: 100% các nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, linh hoạt lồng ghép phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi và tổ chức các hoạt động trải nghiệm đặc thù. Việc triển khai giáo dục STEM, ứng dụng CNTT và AI trong dạy học bước đầu đạt hiệu quả tích cực thông qua các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Song song với đó, các nhà trường đã tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục lao động, tăng gia sản xuất gắn liền với thực tiễn, giúp học sinh nâng cao ý thức trách nhiệm và hình thành các kỹ năng lao động cơ bản

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và xây dựng môi trường học đường: Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, các cơ sở giáo dục đã tích cực đổi mới, đa dạng hóa nội dung và hình thức hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ nhà giáo và học sinh. Công tác tư vấn học đường, giáo dục pháp luật, kỷ luật tích cực được triển khai có hiệu quả, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết, trang bị giá trị sống và kỹ năng sống thiết thực cho học sinh dân tộc thiểu số. Qua đó, nền nếp, kỷ cương và quy chế dân chủ trong các nhà trường tiếp tục được duy trì và giữ vững

Về hiệu quả giáo dục, 100% học sinh cuối cấp các trường PTDTNT được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục. Tỷ lệ trung bình hằng năm học sinh dân tộc nội trú học tiếp các trường PTDTNT cấp THPT đạt 42,7%, học tiếp các trường THPT đạt 57,1%, học nghề chiếm 0,2% (không có học sinh nghỉ học về địa phương). Tỷ lệ trung bình học sinh THPT học tiếp đại học, cao đẳng đạt 54,3%, học nghề và học cử tuyển chiếm tỷ lệ 22,4%, tham gia lao động sản xuất (công nhân, lao động tại địa phương...) chiếm tỷ lệ 23,3%.

5. Công tác quản lý và chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh dân tộc nội trú

Các cấp ủy đảng, chính quyền có sự quan tâm đến việc củng cố, phát triển các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh; thực hiện phân cấp quản lý các trường PTDTNT quy định hiện hành; có các giải pháp thiết thực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục các trường PTDTNT; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục dân tộc nói chung, giáo dục ở các trường PTDTNT nói riêng; công tác phối hợp quản lý các trường PTDTNT được thực hiện chặt chẽ.

Nền nếp, kỉ cương, dân chủ trong các nhà trường PTDTNT được bảo đảm. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra về quản lí dạy học, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú; thực hiện quy chế dân chủ, công khai đối với cơ sở giáo dục. Thực hiện quản lí hệ thống dữ liệu các trường PTDTNT có hiệu quả. Thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo, bảo đảm đáp ứng kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện tại các trường PTDTNT. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được duy trì để bảo đảm kỷ luật, kỷ cương các trường PTDTNT.

100% các trường PTDTNT thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT. Phòng ở, nhà ăn, nhà bếp và trang thiết bị phục vụ nội trú cơ bản được bảo đảm, vệ sinh thường xuyên. 100% trường PTDTNT đảm bảo đủ nước sinh hoạt, nguồn nước hợp vệ sinh; tổ chức nấu ăn cho học sinh nội trú, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Công tác khám và chăm sóc sức khỏe của học sinh trường PTDTNT được thực hiện nghiêm túc. Học sinh được học tập, trao đổi về kỹ năng sống, giá trị sống, phòng chống bệnh tật...

6. Thực hiện chế độ, chính sách và triển khai công tác xã hội hóa giáo dục ở trường PTDTNT

Các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với các trường PTDTNT được triển khai, tuyên truyền rộng rãi. Các chế độ chính sách cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh các trường PTDTNT được thực hiện đúng, đủ, kịp thời. Chế độ trong công tác tuyển sinh, ăn ở, sinh hoạt và học tập của học sinh các trường PTDTNT được bảo đảm. Học bổng cho học sinh trường PTDTNT mức 80% mức lương cơ sở/tháng; các chế độ khen thưởng, trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm, hỗ trợ gạo (15kg gạo/tháng/học sinh) được thực hiện đúng, đủ, kịp thời.

Các trường PTDTNT được đầu tư cơ sở vật chất theo quy định; được cấp kinh phí cho các hoạt động giáo dục đặc thù, văn hóa, văn nghệ...; cấp kinh phí tổ chức Tết nguyên đán, Tết dân tộc; được cấp kinh phí mua sắm, sửa chữa, bổ sung dụng cụ nhà ăn, nhà bếp; mua sách giáo khoa; phù hiệu cá nhân, thẻ học sinh...; hỗ trợ tiền điện, nước, kinh phí nấu ăn, quản lí học sinh ngoài giờ...

Công tác xã hội hóa cho các trường PTDTNT được thực hiện. Các cơ quan, đơn vị phối hợp trong công tác truyền thông, tổ chức các hoạt động giáo dục dành cho học sinh trường PTDTNT. Sự ủng hộ, hỗ trợ về cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí, sức lao động trong việc dọn dẹp, tu sửa trường lớp cho trường PTDTNT được quan tâm. Cộng đồng hỗ trợ tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục văn hóa, truyền thống địa phương, các hoạt động của cộng đồng. Nhiều học sinh được nhận các suất học bổng, hỗ trợ kinh phí.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Hệ thống trường PTDTNT nhận được sự quan tâm sâu sắc, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Công tác tham mưu, phối hợp liên ngành giữa các sở, ban, ngành kịp thời, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động giáo dục chuyên biệt.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục dân tộc nói chung, hệ thống trường PTDTNT nói riêng được đảm bảo. Công tác tham mưu, phối hợp quản lý, hướng dẫn đối với các trường PTDTNT của các sở, ngành được kịp thời. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành tiếp tục được hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho các trường PTDTNT hoạt động hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được lựa chọn đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thực hiện thường xuyên.

Cơ chế, chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trường PTDTNT được thực hiện đúng, đủ, kịp thời. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú được chú trọng; điều kiện ăn ở sinh hoạt tại trường được nâng lên.

Cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư, ưu tiên nguồn kinh phí cho việc bổ sung, tu sửa nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học cho con em vùng đặc biệt khó khăn.

Công tác tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; tăng số lượng học sinh dân tộc thiểu số học tại các trường PTDTNT; cơ cấu học sinh được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế.

Chất lượng giáo dục trong các trường PTDTNT cao hơn mặt bằng chung của tỉnh. Xây dựng, rà soát và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp đặc điểm trường PTDTNT; tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế. Triển khai hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua; nền nếp, kỷ cương trong trường học tiếp tục duy trì.

Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên với nhiều phương thức linh hoạt; chú trọng kiểm tra sau thanh tra, thanh tra. Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm theo hướng thực chất.

2. Hạn chế, bất cập

Phần lớn các trường PTDTNT của tỉnh Lạng Sơn có diện tích chật hẹp, quy mô nhỏ; công tác quy hoạch, mở rộng các trường PTDTNT còn gặp khó khăn do thiếu quỹ đất và thiếu kinh phí. Tỷ lệ học sinh học tại các trường PT DTNT còn thấp so với các tỉnh bạn và so với toàn quốc.

Nhiều trường đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt cục bộ giáo viên đối với các môn học đặc thù và các môn học mới theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 (như môn Tin học, Ngoại ngữ, Nghệ thuật bao gồm Âm nhạc, Mỹ thuật, môn Công nghệ, Giáo dục quốc phòng và an ninh. Ngoài ra, định biên chức danh nhân viên phục vụ, giáo vụ, tư vấn tâm lý học đường chưa đồng bộ, chủ yếu phải bố trí kiêm nhiệm, tạo ra áp lực lớn trong công tác quản lý nội trú 24/24 giờ.

Cơ sở vật chất được đầu tư theo định hướng trường học đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2013 – 2015. Tuy nhiên các khối phòng học, phòng phục vụ sinh hoạt nội trú, nhà đa năng được đầu tư từ giai đoạn trước có quy mô nhỏ, nhiều hạng mục hạ tầng kỹ thuật đã xuống cấp nghiêm trọng do niên hạn sử dụng lâu năm. Do áp lực

nâng cấp liên cấp và tăng học sinh, khu ký túc xá nội trú tại nhiều trường rơi vào tình trạng quá tải, diện tích bình quân phòng ở/học sinh không đạt chuẩn, thiếu trang thiết bị thiết yếu phục vụ sinh hoạt. Hệ thống phòng học bộ môn còn thiếu, chưa đồng bộ hoặc phải bố trí học ghép môn, thiếu các không gian chuyên biệt phục vụ dạy học thực hành, phòng thí nghiệm, phòng nghệ thuật và phòng sinh hoạt cộng đồng riêng cho học sinh nội trú. Khu nhà ăn, bếp ăn tập thể của một số cơ sở chật hẹp, xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu đối với việc chăm sóc nuôi dưỡng, học tập cho học sinh

Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng Chương trình GDPT 2018 chưa được trang cấp đồng bộ. Hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị hỗ trợ tiến trình chuyển đổi số, triển khai giáo dục tiên tiến (như thiết bị giáo dục STEM, Robotics, AI, phòng học thông minh, thư viện số, học liệu số, nguồn học liệu khác) còn rất thiếu thốn, chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác và tổ chức dạy học hiện đại. Việc áp dụng các mô hình dạy học tiên tiến và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhìn chung còn chậm, các hoạt động tư vấn nghề, giáo dục trải nghiệm gắn kết với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa thực sự đa dạng, chưa phát huy hết tiềm năng liên kết xã hội

Việc huy động các nguồn lực đầu tư, nguồn lực xã hội hóa cho cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn hạn chế. Việc thu hút các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục chưa hiệu quả.

Chế độ dinh dưỡng cho học sinh nội trú còn ở mức thấp; chi phí cho đồ dùng, trang cấp còn hạn hẹp. Chưa có chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ kinh phí để nâng cao chế độ dinh dưỡng cho học sinh nội trú. Công tác huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cải thiện đời sống sinh hoạt và tổ chức hoạt động nội trú cho học sinh chưa đạt hiệu quả cao, thiếu sự tham gia sâu của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, do điều kiện tự nhiên, hạ tầng địa phương và nguồn lực ngân sách còn nhiều hạn chế. Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới với địa hình chủ yếu là đồi núi, diện tích đất bằng phẳng phục vụ quy hoạch mở rộng cơ sở giáo dục rất khan hiếm. Hầu hết các trường PTDTNT được đầu tư xây dựng từ các giai đoạn trước, đặt tại trung tâm hành chính cũ của các huyện cũ (trước 2025) hoặc khu vực dân cư đông đúc, khuôn viên nhà trường bị bao bọc bởi đất ở của hộ gia đình và các công trình hạ tầng công cộng. Điều này gây khó khăn phức tạp cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để mở rộng diện tích đất đạt chuẩn. Bên cạnh đó, ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn, nguồn vốn đầu tư công và kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ cho hạ tầng giáo dục còn phân tán, chưa tập trung đủ nguồn lực để đầu tư đồng bộ hệ thống ký túc xá, nhà ăn, phòng học bộ môn, nhà đa năng và trang thiết bị hiện đại.

Thứ hai, do sự thay đổi, nâng cao của các quy định pháp lý và yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục. Các trường PTDTNT cơ bản được xây dựng hoàn thành trong giai đoạn 2013 - 2015 theo quy chuẩn cũ. Khi áp dụng các quy định mới về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học (Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT) và thực hiện

Chương trình GDPT 2018, các công trình hiện có đã bộc lộ rõ sự bất cập: diện tích phòng học văn hóa chật, thiếu các phòng học bộ môn chuyên biệt, phòng thí nghiệm, phòng học STEM, AI và thư viện số. Đồng thời, việc củng cố, mở rộng quy mô học sinh và nâng cấp thành trường liên cấp THCS&THPT đã làm gia tăng nhanh số lượng học sinh nội trú lớn tuổi, gây áp lực quá tải nghiêm trọng lên hệ thống phòng ở ký túc xá, nhà ăn và hạ tầng sinh hoạt tập trung vốn đã xuống cấp theo thời gian.

Thứ ba, do vướng mắc từ quy định biên nhân sự và cơ chế tài chính chi trả hợp đồng lao động. Các quy định hiện hành về định biên biên chế chưa phản ánh hết tính chất lao động đặc thù của mô hình trường PTDTNT (quản lý, nuôi dưỡng học sinh 24/24 giờ). Việc chưa có quy định biên chế riêng cho các chức danh giáo vụ nội trú, tư vấn tâm lý, quản lý thiết bị CNTT buộc các nhà trường phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm, tạo áp lực rất lớn cho đội ngũ. Đồng thời, nguồn tuyển dụng giáo viên các môn đặc thù và môn học mới (Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, GDQP-AN) trên địa bàn tỉnh rất khan hiếm. Mặt khác, việc giao nộp chi phí hợp đồng lao động cấp dưỡng (nấu ăn) theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP chưa có cơ chế tài chính hỗ trợ đặc thù cho các đơn vị sự nghiệp không có nguồn thu tự chủ như trường PTDTNT, gây bế tắc cho các nhà trường trong việc cân đối ngân sách chi trả thù lao cho lực lượng lao động này.

Thứ tư, do tác động trượt giá thị trường và đặc điểm kinh tế - xã hội vùng tuyển sinh. Sự gia tăng giá cả các mặt hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm đã làm cho mức hỗ trợ học bổng chính sách và chi phí trang cấp ban đầu cho học sinh trở nên chật hẹp, chưa bảo đảm nâng cao chất lượng bữa ăn và thể trạng cho học sinh nội trú. Đối tượng học sinh PTDTNT hoàn toàn là con em đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã vùng cao, vùng biên giới đặc biệt khó khăn, điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều thiếu thốn, không có khả năng đóng góp hay chia sẻ chi phí cùng nhà trường.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, công tác quy hoạch, dự báo và tham mưu xây dựng chính sách ở một số thời điểm chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Trong giai đoạn trước, công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp và kế hoạch sử dụng đất giáo dục tại một số địa phương chưa dự báo sát nhu cầu diện tích mặt bằng khi thực hiện mô hình trường liên cấp THCS&THPT quy mô lớn. Công tác nghiên cứu, chủ động tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh (như chính sách hỗ trợ kinh phí nâng cao chất lượng bữa ăn học sinh nội trú, cơ chế hỗ trợ nguồn vốn chi trả hợp đồng cấp dưỡng) còn chậm, chưa kịp thời tháo gỡ các vướng mắc phát sinh từ thực tiễn.

Thứ hai, công tác phối hợp liên ngành và giữa ngành Giáo dục với chính quyền các địa phương chưa thực sự chặt chẽ, quyết liệt. Việc phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện (trước 2025), cấp xã trong việc giải quyết các tồn tại về đất đai (đo đạc, bóc tách diện tích, xử lý dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại một số đơn vị) còn tiến độ chậm. Việc ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn và nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia cho các hạng mục khẩn cấp (mở rộng diện tích ký túc xá, nhà ăn, phòng học bộ môn) tại một số địa bàn chưa được đặt ở vị trí trọng tâm.

Thứ ba, công tác quản trị nhà trường, tính chủ động đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ chưa đồng đều. Cán bộ quản lý ở một số cơ sở giáo dục chưa thật sự linh hoạt, sáng tạo trong việc sắp xếp, tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có; còn tâm lý trông chờ vào nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Việc triển khai chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo (AI) và các mô hình giáo dục tiên tiến (STEM/Robotics) tại một số trường còn lúng túng. Các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trải nghiệm sáng tạo, tư vấn phân luồng gắn với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp chưa được tổ chức đa dạng, phong phú.

Thứ tư, công tác huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục chưa hiệu quả. Các nhà trường và ngành Giáo dục chưa xây dựng được các mô hình, đề án thu hút xã hội hóa mang tính đột phá để mời gọi sự đồng hành của các tập đoàn, doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại hoặc hỗ trợ học bổng, nâng cao đời sống cho học sinh dân tộc thiểu số. Công tác tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận xã hội đối với sự nghiệp giáo dục dân tộc nội trú chưa được duy trì thường xuyên, sâu rộng.

4. Bối cảnh và các yếu tố tác động đến việc xác định mục tiêu, quy mô mạng lưới trường PTDTNT giai đoạn 2026 - 2030

Việc xây dựng mục tiêu, quy mô mạng lưới trường PTDTNT giai đoạn 2026 - 2030 được đặt trong mối quan hệ đồng bộ với các chủ trương lớn đang triển khai trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Về chủ trương đầu tư hệ thống trường phổ thông nội trú liên cấp TH&THCS tại các xã biên giới: Theo Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của UBND tỉnh, trên địa bàn tỉnh có 11 dự án trường phổ thông liên cấp tại các xã biên giới. Đây là các cơ sở giáo dục cùng phục vụ đối tượng học sinh dân tộc thiểu số, vùng khó khăn với hệ thống trường PTDTNT hiện có. Sở Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, đánh giá sơ bộ mối quan hệ giữa 11 dự án nêu trên với hệ thống 11 trường PTDTNT hiện có trên các mặt địa bàn tuyển sinh, quy mô học sinh, cơ sở vật chất dự kiến đầu tư, nhằm tránh chồng chéo đối tượng phục vụ và trùng lặp đầu tư công trình. Trên cơ sở đó, Đề án xác định quy mô đầu tư cho hệ thống trường PTDTNT theo hướng bổ trợ, liên thông với hệ thống trường phổ thông liên cấp biên giới, tập trung nguồn lực cho các địa bàn không trùng chức năng tuyển sinh nội trú, không đầu tư dân trái.

- Về tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã: Thực hiện chủ trương tiếp tục rà soát, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Thông báo số 100-TB/VPTW ngày 19/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kịch bản đánh giá tác động theo hai phương án: (i) trường hợp giữ ổn định địa giới hành chính cấp xã như hiện nay, mạng lưới và quy mô các trường PTDTNT được giữ theo phương án tại Đề án; (ii) trường hợp có điều chỉnh địa giới hành chính, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh địa bàn tuyển sinh, quy mô lớp/trường cho phù hợp với đơn vị hành chính mới, không làm gián đoạn việc học tập, sinh hoạt nội trú của học sinh; đồng thời gắn với lộ trình chuyển đổi số, tổ chức lớp học ảo, học liệu số để duy trì chất lượng dạy học trong quá trình sắp xếp.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Phát triển hệ thống trường PTDTNT là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, ngành Giáo dục và Đào tạo và của toàn xã hội. Đẩy mạnh củng cố, nâng cao chất lượng toàn diện hệ thống trường PTDTNT nhằm bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục phổ thông công bằng, chất lượng cho con em đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Cấp ủy, chính quyền, ngành giáo dục và đào tạo chỉ đạo việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện các điều kiện bảo đảm chất lượng của hệ thống trường PTDTNT.

3. Ưu tiên bố trí đội ngũ, tập trung các nguồn lực đầu tư các trường PTDTNT; nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho các trường PTDTNT theo hướng trường học đạt chuẩn quốc gia và đảm bảo các điều kiện giáo dục đặc thù, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Củng cố, phát triển các trường PTDTNT theo hướng trường học đạt chuẩn quốc gia và đảm bảo các điều kiện giáo dục đặc thù; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; thực hiện tốt nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các dân tộc thiểu số, đồng thời đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của miền núi, vùng dân tộc thiểu số của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể của Đề án được xác định trên cơ sở rà soát, bảo đảm đồng bộ với chủ trương đầu tư hệ thống trường phổ thông liên cấp tại các xã biên giới theo Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 11/6/2026, đồng thời có tính đến kịch bản tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Thông báo số 100-TB/VPTW ngày 19/6/2026, cụ thể:

- Củng cố, duy trì 100% các trường PTDTNT là trường học đạt chuẩn quốc gia. Đảm bảo tỉ lệ học tại trường PTDTNT đạt 9,1% trở lên số học sinh dân tộc thiểu số, trong đó cấp THCS chiếm 4,5% và cấp THPT chiếm 18,3% số học sinh dân tộc thiểu số cùng cấp học.

- Mở rộng diện tích đất tại 8/11 trường PTDTNT bảo đảm đáp ứng quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm 100% chỗ ở cho học sinh nội trú; 100% trường có đủ, đáp ứng yêu cầu về các hạng mục theo quy định. 100% trường đủ phòng học bộ môn, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định và thiết bị hỗ trợ các

hoạt động nội trú.

- 100% trường bố trí đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo định mức. 100% trường tổ chức hoạt động nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên các trường PTDTNT, trung bình mỗi giáo viên được tập huấn ít nhất 01 lần/năm học về chuyên môn, 01 lần/năm học về nghiệp vụ sư phạm. 100% giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng về công tác nghiên cứu khoa học/sáng kiến kinh nghiệm. Nâng trình độ đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên các trường PTDTNT với tỷ lệ 22% đạt trình độ trên chuẩn.

- Cấp THCS có kết quả rèn luyện xếp loại Tốt ở đạt 95%, kết quả học tập xếp loại Tốt đạt 35%, loại Khá đạt 60%. Cấp THPT có kết quả rèn luyện xếp loại Tốt đạt 95%, kết quả học tập xếp loại Tốt đạt 50%, loại Khá đạt 49%.

- 100% trường thực hiện chuyển đổi số, quản lý trên môi trường số; trên 80% giáo viên có tổ chức lớp học ảo và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) vào dạy học.

- Mạng lưới trường PTDTNT được rà soát, cập nhật quy mô, phương án tổ chức phù hợp, không chồng chéo chức năng tuyển sinh nội trú với hệ thống trường phổ thông liên cấp tại các xã biên giới; sẵn sàng phương án điều chỉnh địa bàn tuyển sinh, quy mô lớp/trường khi có thay đổi về đơn vị hành chính cấp xã, gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số để bảo đảm chất lượng dạy học không bị gián đoạn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức xã hội

- Kịp thời quán triệt, thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục dân tộc, trọng tâm là các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 lồng ghép vào hoạt động của hệ thống trường PTDTNT.

- Đổi mới nội dung và hình thức thông tin, truyền thông thông qua hệ thống cổng thông tin điện tử, phối hợp với cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương nhằm tuyên truyền sâu rộng về tính chất chuyên biệt, vai trò then chốt của trường PTDTNT trong việc tạo nguồn cán bộ cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, chính sách dân tộc ngay trong các nhà trường nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của học sinh, gia đình và cộng đồng đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo.

2. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp hệ thống trường PTDTNT và đổi mới công tác tuyển sinh đáp ứng chỉ tiêu quy mô giai đoạn mới

- Tiếp tục rà soát, định hình ổn định mô hình liên cấp THCS&THPT tại 10 trường PTDTNT THCS&THPT; phối hợp với các cơ quan quản lý điều tiết cơ cấu số lớp, số học sinh cấp THPT tỉnh tiến qua từng năm, bảo đảm phù hợp với năng lực tiếp nhận dịch vụ nội trú của từng cơ sở giáo dục.

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn tuyển sinh vào các trường PTDTNT theo hướng công khai, minh bạch, phân cấp hợp lý; cải tiến phương thức tuyển sinh (kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển phù hợp với đặc thù từng địa bàn xã, phường) nhằm bảo đảm thu hút đúng đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT.

- Tổ chức rà soát, phân tích dữ liệu phổ cập giáo dục và biến động dân cư để dự báo chính xác nguồn tuyển sinh từ các thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng cao; ưu tiên con em các tộc người thiểu số rất ít người hoặc các vùng có tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số còn thiếu.

3. Đảm bảo số lượng, chuẩn hóa trình độ đào tạo và đồng bộ cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Rà soát thực trạng biên chế; kiến nghị, đề xuất Trung ương giao bổ sung chỉ tiêu biên chế nhà giáo còn thiếu theo định mức quy định, ưu tiên tuyển dụng đặc cách hoặc điều động, biệt phái giáo viên đối với các môn học đặc thù theo Chương trình GDPT 2018 như: Ngoại ngữ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Bố trí đủ định biên hoặc thực hiện cơ chế hợp đồng lao động đối với các vị trí nhân viên chuyên trách phục vụ hoạt động nội trú (bao gồm nhân viên giáo vụ, nhân viên y tế học đường, nhân viên quản lý thiết bị, nhân viên tư vấn tâm lý học đường và nhân viên nấu ăn) theo đúng định mức quy định, giảm tải áp lực kiêm nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hằng năm; bảo đảm 100% cán bộ quản lý và giáo viên được tập huấn ít nhất 01 lần/năm học về chuyên môn nâng cao, 01 lần/năm học về nghiệp vụ sư phạm đặc thù (kỹ năng quản lý học sinh nội trú, giáo dục đặc điểm tâm sinh lý học sinh vùng cao).

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, phương pháp đúc kết sáng kiến kinh nghiệm; khuyến khích và có chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, giáo viên tự học tiếng dân tộc thiểu số tại địa bàn nơi công tác để nâng cao hiệu quả phối hợp giáo dục.

4. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kiên cố hóa hạ tầng kỹ thuật và ưu tiên giải quyết dứt điểm quỹ đất giáo dục dưới chuẩn

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phối hợp, lồng ghép với nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện kiên cố hóa hạ tầng. Tập trung cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống nhà ký túc xá, phòng ở nội trú cho học sinh đạt chuẩn diện tích/học sinh; nâng cấp khu nhà ăn, nhà bếp tập thể theo nguyên tắc một chiều, bảo đảm kỹ thuật và an toàn thực phẩm.

- Đầu tư xây dựng bổ sung các hạng mục khối phòng học bộ môn còn thiếu, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học ngoại ngữ đa phương tiện, không gian sáng tạo STEM/Robotics và xây dựng hệ thống sân chơi, bãi tập, nhà tập đa năng đáp ứng yêu cầu giáo dục thể chất.

- Thực hiện triển khai quyết liệt công tác rà soát quy hoạch, cắm mốc ranh giới đất giáo dục; lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để mở rộng diện tích đất sạch liền kề cho các trường có khuôn viên chật hẹp, dưới chuẩn quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ pháp lý, phấn đấu hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 100% các trường PTDTNT thuộc diện coi nói, mở rộng trong giai đoạn này.

5. Đổi mới chương trình giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát huy các giá trị văn hóa và nội dung giáo dục đặc thù

- Chỉ đạo các nhà trường thực hiện nghiêm túc, linh hoạt chương trình giáo dục phổ thông 2 buổi/ngày; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với năng lực nhận thức của học sinh dân tộc thiểu số. Tổ chức có hệ thống các lớp phụ đạo, bù đắp kiến thức cho học sinh có học lực yếu và các câu lạc bộ bồi dưỡng học sinh giỏi, phấn đấu đạt các giải cao tại hội thi các cấp.

- Tăng cường tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục văn hóa địa phương, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc (Tày, Nùng, Dao, Sán Chỉ...) thông qua các hoạt động ngoại khóa, lễ hội văn hóa dân gian, trò chơi dân tộc; hướng dẫn học sinh trang phục truyền thống và nhạc cụ dân tộc.

- Tổ chức thường xuyên và hiệu quả các hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT gắn kết chặt chẽ với nhu cầu sử dụng lao động của địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục lao động, tổ chức cho học sinh tăng gia sản xuất (trồng rau xanh, chăn nuôi, vệ sinh trường lớp) nhằm rèn luyện kỹ năng sống, ý thức tự lập, xây dựng tinh thần trách nhiệm tập thể và tạo môi trường cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp - an toàn.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ trong công tác quản trị trường học và giảng dạy hiện đại

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại 11/11 trường; trang bị đường truyền internet băng thông rộng, phủ sóng mạng nội bộ ổn định toàn khuôn viên trường học và khu ký túc xá phục vụ nghiên cứu, học tập.

- Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trường học trực tuyến (quản lý hồ sơ học sinh, sổ điểm điện tử, giáo án điện tử, quản lý tài sản, quản lý bếp ăn nội trú) trên môi trường số hóa, hướng tới giảm thiểu tối đa hồ sơ sổ sách giấy.

- Xây dựng kho học liệu số dùng chung, thư viện số, phòng học thông minh đáp ứng yêu cầu tra cứu tài liệu tự học của học sinh nội trú ngoài giờ lên lớp.

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số cho 100% cán bộ quản lý và giáo viên; có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên xây dựng hệ thống lớp học tương tác trực tuyến, ứng dụng các công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ thiết kế bài giảng, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh một cách khách quan, khoa học.

7. Tăng cường công tác quản lý nuôi dưỡng, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách và đổi mới công tác kiểm tra, thanh tra, tự chủ trường học

- Thực hiện chi trả, cấp phát công khai, minh bạch, đúng, đủ và kịp thời 100% các chế độ chính sách, học bổng nội trú, trang cấp học phẩm, tiền tàu xe, sách giáo khoa cho học sinh theo đúng quy định hiện hành.

- Thúc đẩy phân cấp quản lý giáo dục, phát huy tối đa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các nhà trường trong công tác quản trị tài chính, tài sản công và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng. Đề cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

- Định kỳ tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra đột xuất đối với việc thực hiện quy chế dân chủ, công tác tài chính, cấp phát học bổng chính sách và công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, y tế học đường tại các trường; chú trọng công tác hậu kiểm sau thanh tra nhằm giữ nghiêm kỷ cương hành chính và ngăn ngừa sai phạm.

8. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống trường chuyên biệt

- Xây dựng danh mục các hạng mục công trình, trang thiết bị khuyến khích xã hội hóa tại các trường PTDTNT (như trang thiết bị phòng tin học, phòng đọc thư viện, quỹ học bổng khuyến học, thiết bị thể dục thể thao ngoài trời) để kêu gọi đầu tư tài trợ.

- Chủ động ký kết chương trình phối hợp, liên kết giữa các trường PTDTNT với các doanh nghiệp, tập đoàn sản xuất kinh doanh, các trường đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh để tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, ngày hội việc làm, tài trợ trang thiết bị dạy nghề ngắn hạn cho học sinh cuối cấp.

- Huy động sự tham gia tích cực, trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh, các thế hệ cựu học sinh và các tổ chức xã hội, tổ chức từ thiện hợp pháp trong việc đóng góp công sức, trí tuệ, hiện vật nhằm cải thiện chất lượng đời sống tinh thần, chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ học sinh nội trú có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

IV. KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí: 584.257 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí

2.1. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất

Tổng kinh phí đầu tư cơ sở vật chất: 330.306,8 triệu đồng, trong đó:

Nhóm 1: 100.000 triệu đồng (nguồn: Đầu tư công của tỉnh), nằm trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh.

Nhóm 2: 230.306,8 triệu đồng (nguồn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nguồn vốn hợp pháp khác), trên cơ sở ưu tiên sử dụng tối đa nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Trung ương giao cho

tỉnh Lạng Sơn 1.868.900 triệu đồng theo Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và UBND tỉnh, thành phố.

Cơ cấu phân bổ chi tiết nguồn vốn nêu trên theo từng hạng mục công trình, từng trường được quy định tại Phụ lục 5B kèm theo Đề án; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Tài chính rà soát, cập nhật để bảo đảm tổng nguồn đầu tư công của tỉnh phân bổ theo Phụ lục 5B thống nhất với mức 100.000 triệu đồng nêu trên, không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được xác định.

Nội dung thực hiện: chi cho giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và hoàn thiện thủ tục cấm mốc ranh giới, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích mở rộng, coi nói liền kề tại các trường PTDTNT chật hẹp, dưới chuẩn quy định. Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật chuyên biệt, bao gồm: phòng học, khối phòng ở Ký túc xá học sinh nội trú bảo đảm đạt chuẩn diện tích; khối phòng ăn, nhà bếp tập thể một chiều; khối phòng học bộ môn, phòng thực hành thí nghiệm, sân tập thể dục thể thao và nhà tập đa năng.

2.2. Kinh phí sự nghiệp

Tổng kinh phí sự nghiệp là 253.950,2 triệu đồng, trong đó:

Kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học: 28.891,2 triệu đồng (nguồn: Sự nghiệp giáo dục của tỉnh).

Thiết bị phục vụ công tác nội trú: 17.500 triệu đồng (nguồn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nguồn khác).

Chế độ cho học sinh: 119.954,8 triệu đồng (nguồn: Ngân sách Trung ương).

Hỗ trợ các nhà trường (Thiết bị giáo dục đặc thù, Khám sức khỏe hàng năm, Tổ chức Tết, Sửa chữa dụng cụ nhà ăn, nhà bếp, Sách thư viện (10%), Thẻ, phù hiệu học sinh, Nấu ăn, Quản lý học sinh): 27.426,9 triệu đồng (nguồn: Ngân sách Trung ương).

Kinh phí bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 2.000 triệu đồng (nguồn: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nguồn khác).

Chính sách đặc thù: 58.177,3 triệu đồng (nguồn: Ngân sách tỉnh).

3. Nguyên tắc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách hằng năm của tỉnh, tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; tổng nguồn vốn đầu tư công của tỉnh bố trí cho Đề án không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đã được xác định.

Ưu tiên lồng ghép, sử dụng tối đa nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 và các chương trình, dự án hợp pháp khác để giảm áp lực cho ngân sách tỉnh.

Hàng năm, căn cứ tiến độ thực hiện và khả năng cân đối ngân sách, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp có phát sinh, điều chỉnh về hạng mục, hoặc thay đổi nguồn vốn, thực hiện theo đúng thẩm quyền và quy định hiện hành trước khi triển khai

V. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả về giáo dục và đào tạo

- Nâng cao chất lượng nhân lực: Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, tạo nguồn cán bộ là người dân tộc thiểu số đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chuẩn hóa hệ thống: Hoàn thiện mục tiêu 11/11 trường đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo 100% học sinh có chỗ ở nội trú và tiếp cận đầy đủ các thiết bị dạy học hiện đại, phòng học bộ môn.

- Thúc đẩy chuyển đổi số: 100% các trường thực hiện quản lý trên môi trường số; giáo viên làm chủ các công cụ hiện đại như lớp học ảo và trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy.

- Phát triển đội ngũ: Nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên thông qua các chương trình tập huấn định kỳ hàng năm.

2. Hiệu quả về chính trị - xã hội

- Công bằng giáo dục: Tạo cơ hội công bằng cho con em dân tộc thiểu số, nhất là ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được tiếp cận giáo dục phổ thông chất lượng cao.

- Tăng tỷ lệ tiếp cận giáo dục: Nâng tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường PTDTNT lên trên 9,1%, giảm tình trạng học sinh bỏ học.

- Bảo tồn văn hóa: Thông qua các hoạt động giáo dục đặc thù, học sinh được giáo dục về tư tưởng chính trị, đạo đức và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình.

3. Hiệu quả về quản lý và nguồn lực

- Tối ưu hóa quỹ đất: Giải quyết triệt để các vướng mắc về quy hoạch, mở rộng diện tích đất và hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường còn thiếu diện tích (8/11 trường PTDTNT).

- Huy động nguồn lực xã hội: Tăng cường sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát và hỗ trợ nguồn lực cho các hoạt động giáo dục nội trú.

- Cải thiện đời sống học sinh: Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và chế độ dinh dưỡng, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng

- Tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc các nội dung của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Cấp ủy Đảng, chính quyền xã nơi có trường PTDTNT đưa vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc thực hiện các chính sách dân tộc trong giáo dục, việc triển khai thực hiện đề án; đảm bảo tính kỷ cương và nề nếp trong các nhà trường.

- Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò của trường PTDTNT trong việc tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Công tác điều hành, phối hợp

- Lồng ghép nguồn vốn thực hiện Đề án với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ngành, UBND các xã để giải quyết các vấn đề về kinh phí, biên chế, quy hoạch và mở rộng diện tích đất.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện đại và cải thiện chế độ dinh dưỡng cho học sinh.

- Theo dõi, đánh giá và thi đua: Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, báo cáo tiến độ thực hiện Đề án trên toàn tỉnh. Tổ chức định kỳ sơ kết hằng năm và tổng kết Đề án vào năm 2030 để đánh giá kết quả, kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về nội dung, số liệu trình phê duyệt Đề án; việc quản lý, hướng dẫn, tổ chức và cụ thể hóa các nội dung của Đề án thành kế hoạch thực hiện theo từng năm học; chủ trì điều tiết quy mô, cơ cấu số lớp, số học sinh nội trú toàn tỉnh hướng tới đạt chỉ tiêu tuyển sinh từ 9,1% trở lên số học sinh dân tộc thiểu số trong độ tuổi.

Chủ trì, phối hợp với các sở chuyên môn hợp nhất để thẩm định nhu cầu bổ sung cơ sở vật chất khôi phục vụ sinh hoạt (phòng ở ký túc xá, nhà ăn một chiều), hệ thống phòng học bộ môn và danh mục trang thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 tại 11/11 trường.

Chỉ đạo các trường PTDTNT trực thuộc đổi mới cấu trúc kế hoạch giáo dục, đẩy mạnh phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức biên soạn tài liệu và triển khai tích hợp giáo dục văn hóa địa phương, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và giáo dục lao động tăng gia sản xuất đặc thù.

Chủ trì xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bảo đảm chỉ tiêu 100% cán bộ quản lý, giáo viên được nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm hằng năm.

Chủ trì, phối hợp chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm đào tạo nghề trực thuộc lồng ghép kế hoạch hướng nghiệp, dạy nghề ngắn hạn và định hướng phân luồng cho học sinh hệ nội trú sau tốt nghiệp phù hợp với quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực của tỉnh.

Tổ chức kiểm tra chuyên ngành công tác quản trị trường học, phát huy quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu; giám sát chặt chẽ quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác quản lý tài chính, chi trả chế độ chính sách học bổng và báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện Đề án về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan; tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định; hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong tổng số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao hằng năm đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp xã rà soát, tham mưu UBND tỉnh quyết định phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh để phục vụ mục tiêu mở rộng khuôn viên trường học. Đôn đốc, thẩm định hồ sơ pháp lý, hoàn thành công tác cắm mốc ranh giới hành lang an toàn trường học và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 100% các trường PTDTNT thuộc diện coi nói, mở rộng diện tích đất trong giai đoạn thực hiện Đề án.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 có cấu phần ngân sách đầu tư cho hệ thống các trường PTDTNT. Phối hợp triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến giáo

dục pháp luật, chính sách dân tộc, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa các dân tộc thiểu số trong hệ thống trường nội trú toàn tỉnh.

6. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã phường và các cơ quan liên quan rà soát, hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn; đảm bảo phương án mở rộng quỹ đất, coi nới liền kề tại các trường phổ thông dân tộc nội trú đồng bộ và phù hợp với quy hoạch chung của địa phương. Thực hiện công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thuộc Đề án (bao gồm: phòng học bộ môn, khối ký túc xá học sinh nội trú, khối phòng ăn, nhà bếp tập thể một chiều, nhà tập đa năng) theo phân cấp và thẩm quyền quy định của pháp luật. Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; phối hợp tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng đúng tiến độ.

7. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ thực hiện Đề án này.

8. UBND các xã, phường liên quan: chủ trì, tổ chức thực hiện công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, tiến hành giải phóng mặt bằng và bàn giao đất sạch liền kề khuôn viên trường học cho các trường PTDTNT thuộc danh mục coi nới diện tích đất. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trong công tác điều tra phổ cập, rà soát, xác minh chính xác đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số cư trú tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn, biên giới, vùng cao để phục vụ công tác tuyển sinh hằng năm đúng đối tượng, bảo đảm chỉ tiêu huy động. Chỉ đạo lực lượng công an chính quy cấp xã phối hợp với nhà trường xây dựng quy chế an ninh liên kết, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội tại khu vực xung quanh trường học và khu vực ký túc xá học sinh sinh hoạt tập trung.

Tích cực tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức đoàn thể tại cơ sở tham gia các hoạt động xã hội hóa, đóng góp công sức, ngày công và nguồn lực hợp pháp hỗ trợ nhà trường cải thiện cảnh quan sư phạm và chăm sóc đời sống học sinh nội trú.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp để tổ chức phổ biến, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án; Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, giám sát cộng đồng đối với tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng coi nới đất đai, việc triển khai xây dựng các hạng mục cơ sở vật chất và công tác thực hiện các chế độ chính sách học bổng, hỗ trợ gạo, sinh hoạt phí cho học sinh nội trú, bảo đảm tính công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật./.
